TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 823/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-12-2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Thảo

2. Ông Lê Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 11 năm 2025 và ngày 04 tháng 12 năm 2025 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 483/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 583/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/10/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 506/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/11/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Cẩm T**, sinh năm 1988 (CCCD 082188000664)

Địa chỉ: xã Tân , Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh S**, sinh năm: 1986 (CCCD 079086028173)

Địa chỉ: xã Tân , Thành phố Hồ Chí Minh

(Ông Nguyễn Minh S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được bà Phan Thị Cẩm T (nguyên đơn) trình bày:

Bà Phan Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh S tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2015, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan

điểm, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023, nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh S.

- Về con chung: Bà T và ông S có 01 con chung tên Nguyễn Minh Kh, sinh ngày: 27/12/2015. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Kh và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Minh S vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phan Thị Cẩm T nộp đơn xin ly hôn đối với ông Nguyễn Minh S. Ông S cư trú tại xã Tân Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh .

[2] Ông Nguyễn Minh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; bà Phan Thị Cẩm T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông S theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Nguyễn Minh S đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Phan Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh S, nhưng ông S không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông S tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông S phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/7/2015, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Phan Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh S là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị Cẩm T xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

"Tình nghĩa vợ chồng:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng".

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[6]. Xét thấy, bà Phan Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh S có cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn Tơng yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông S cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông S mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Cẩm T về việc xin được ly hôn với ông Nguyễn Minh S.

[7] Về con chung: Bà Phan Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh S có 01 con chung tên Nguyễn Minh Kh, sinh ngày: 27/12/2015. Hiện trẻ Kh đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Minh Kh, sinh ngày: 27/12/2015. Tại biên bản ghi nhận ý kiến thì trẻ Khang muốn sống chung với bà T. Ông S vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông S về con chung giữa bà T và ông S nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà T, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao trẻ Nguyễn Minh Kh, sinh ngày: 27/12/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Phan Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228 , Điều 217 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2025;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Cẩm T với ông Nguyễn Minh S.

Bà Phan Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Minh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/7/2015 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Phan Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh S có 01 con chung tên Nguyễn Minh Kh, sinh ngày: 27/12/2015. Giao trẻ Nguyễn Minh K, sinh ngày: 27/12/2015 cho bà Phan Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Minh S có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này bà Phan Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh S đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Cẩm T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0052659 ngày 02/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thanh Loan